


## PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

### PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

<b>SODIUM CARBONATE</b>	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 497-19-8 Số UN: Không có thông tin Số đăng ký EC: 207-838-8 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

#### I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Sodium carbonate	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Sodium Carbonate	
Tên khác (không là tên khoa học) : Soda, Soda nóng	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	<b>CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN</b>
Mục đích sử dụng: sử dụng trong xử lý nước, ...	30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (028).6683.3399 – 08.6683.4499

#### II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium carbonate	497-19-8	Na <sub>2</sub> CO <sub>3</sub>	100

#### III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

**1. Mức xếp loại nguy hiểm** (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):

**2. Cảnh báo nguy hiểm**

- Không cháy. Hóa chất có thể gây độc cho phần trên hệ hô hấp, da, mắt. Tiếp xúc nhiều lần và kéo dài hóa chất sẽ gây tổn thương cho các cơ quan trong cơ thể.
- Nguy hiểm nếu nuốt phải, có thể gây ảnh hưởng tới thận.
- Chất này có thể bị hấp thụ vào cơ thể qua đường hô hấp và qua đường tiêu hóa.

**3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng**

- Đường mắt: Có thể gây kích ứng mắt
- Đường thở: Có thể gây kích đường hô hấp
- Đường da: Có thể gây kích ứng da
- Đường tiêu hóa: Nếu nuốt phải một lượng lớn có thể gây dị ứng dạ dày

#### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

**1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):**

Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát tròng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít

nhất trong 15 phút, có thể sử dụng nước lạnh. Gặp bác sĩ chuyên khoa.

## 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Rửa ngay vùng nhiễm bẩn với nhiều nước, có thể sử dụng nước lạnh, xoa kem làm mềm da. Thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Quần áo nhiễm bẩn phải tẩy rửa trước khi sử dụng lại. Trường hợp nặng, rửa với xà phòng khử trùng và xoa bằng kem khử trùng. Cần gọi sự trợ giúp y tế.

## 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):

Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi cấp cứu. Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Gọi sự trợ giúp từ y tế. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi sự trợ giúp từ y tế. Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện.

## 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):

Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...

## 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

# V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

**1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Dễ cháy, hỗn hợp hơi với không khí có thể gây nổ.

**2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Carbon dioxide, carbonmonoxide

**3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Tia lửa, tĩnh điện, hút thuốc

## 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác :

Sử dụng bình chữa cháy CO<sub>2</sub>, hóa chất chữa cháy, bột chữa cháy và phun hơi. Không dùng tia nước để chữa cháy vì có thể gây cháy lan.

## 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Sử dụng bình thở và các quần áo bảo hộ thích hợp.

## 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Sodium carbonate có thể kích cháy và cháy mãnh liệt khi tác dụng với fluoride. Sodium carbonate tác dụng với fluorine sẽ phân hủy ở nhiệt độ thường, phát sáng.

Phản ứng nổ với kim loại nhôm nóng đỏ. Sodium carbonate + ammonia trong dung dịch arabic gum sẽ gây nổ.

# VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

## 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Sử dụng dụng cụ thích hợp thu gom hóa chất vào thùng chứa chất thải. Nếu cần thiết, trung hòa phần cặn hóa chất bằng dung dịch axit acetic. Lau bề mặt nhiễm bẩn và thải bỏ theo quy định

## 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết để thu gom và dọn sạch phần hóa chất rơi vãi vào thiết bị chứa thích hợp, tránh tạo bụi tạo môi trường thoáng khí. Có thể chống tràn vào hệ thống cống.

# VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

**1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Sử dụng bảo hộ lao động giảm tối thiểu lượng bụi có thể phát sinh. Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác với hóa chất. Giặt giữ cẩn thận bảo hộ sau khi làm việc với hóa chất.

Không được nuốt, hít bụi hóa chất. Trang bị trang phục bảo hộ thích hợp. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, mang mặt nạ hô hấp phù hợp. Nếu nuốt phải, cần gọi sự trợ giúp từ y tế. Ngăn tiếp xúc với da và mắt. Trữ hóa chất xa khỏi các chất không tương thích.

**2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Hút âm. Giữ bình chứa kín. Giữ bình chứa trong khu vực thoáng mát, thông gió tốt. Tránh ánh sáng mặt trời. Trữ ở nhiệt độ <math><24^{\circ}\text{C}</math>.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc ...)

Thông gió hoặc các biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.

**2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

Kính, áo khoác phòng thí nghiệm. Mặt nạ phòng bụi. Hãy chắc chắn sử dụng khẩu trang đã được phê duyệt / chứng nhận hoặc tương đương. Găng tay.

**3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**

Kính, quần áo bảo hộ đầy đủ, phù hợp. Mặt nạ phòng bụi. Giày ống. Găng tay. Cần phải sử dụng bộ máy thở tự chứa để tránh hít phải sản phẩm. Quần áo bảo hộ đề nghị có thể không đủ; Tham khảo ý kiến của một chuyên gia trước khi xử lý này sản phẩm.

**4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...):

Tắm rửa, vệ sinh sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hóa chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: rắn ( bột rắn)	Điểm sôi (0C): Không có giá trị
Màu sắc: Màu trắng	Điểm nóng chảy (0C): 64°C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không áp dụng
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): không áp dụng
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước lạnh	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ PH : không áp dụng	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> ):	Các tính chất khác nếu có

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

**1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): hóa chất ổn định

**2. Khả năng phản ứng:**

Phản ứng với axit. Ít phản ứng với hơi ẩm.

Hút ẩm, kết hợp với nước tạo ra nhiệt. Sodium carbonate bị phân hủy bởi axit tạo sỏi bột. Phản ứng mạnh với F<sub>2</sub>, lithium, và 2,4,6-trinitrotoluene. Sodium carbonate bắt đầu phân hủy ở 400oC tạo ra CO<sub>2</sub>.

Dung dịch cô đặc nóng sodium carbonate ăn mòn dần thép.

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### 1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

Có thể gây ảnh hưởng tới khả năng sinh sản trong nghiên cứu động vật

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sodium carbonate	LD50: 4090mg/kg LC50: 1200mg/m <sup>3</sup>	Độc cấp tính	Tiêu hóa Hô hấp	Chuột

### 2. Các ảnh hưởng độc khác

Có thể phá hủy phần trên hệ hô hấp, da, mắt.

Gây độc hại cho da (kích ứng), tiếp xúc mắt, tiêu hóa và hô hấp (kích ứng phổi).

### 3. Lưu ý với ảnh hưởng độc tính khác lên con người

Độc cấp tính:

Hô hấp: làm giảm chức năng của phổi, sung huyết mũi, chảy máu mũi, thủng vách ngăn mũi.

Da: viêm, loét da và những đau đớn ở dạ dày, ruột non.

Những triệu chứng mãn tính có thể thuyên giảm nếu tiếp xúc hóa chất giảm.

Độc mãn tính:

Tiếp xúc da: gây ra kích ứng da có thể gây bỏng phụ thuộc vào nồng độ, chỗ tiếp xúc (da bị ăn mòn hay da không bị tổn thương), thời gian tiếp xúc.

Tiếp xúc mắt: gây ra kích ứng mắt và có thể gây bỏng. Dung dịch đậm đặc có thể gây ra chấn thương màng sừng vĩnh viễn (màng sừng bị đục vĩnh viễn).

Tiêu hóa: sodium carbonate có thể gây kích ứng lên hệ tiêu hóa gây ra các triệu chứng như buồn nôn, nôn ói, tiêu chảy, khát nước, đau bụng phụ thuộc vào nồng độ nuốt vào. Đồng thời cũng ảnh hưởng đến hệ tim mạch.

Hô hấp: bụi hóa chất có thể gây kích ứng cho phần trên hệ hô hấp và màng nhày với triệu chứng như ho, thở ngắn, viêm phổi.

## XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

**1. Độc tính với sinh vật:** Không có sẵn

### 2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: không có sẵn
- Chỉ số BOD và COD: không có sẵn
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin

## XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

### 1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):

Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

### 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

### 3. Biện pháp tiêu hủy

Tái sử dụng nếu có thể.

Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.

Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.

#### 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

#### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.			8	25 – 40 - 50 Kg/bao		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

#### XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

##### 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002.

Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.

##### 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:

###### DSCL (EEC):

R36/37/38-kích ứng mắt, phân trên hệ hô hấp và da.

S22-không hít bụi hóa chất.

S26-trong trường hợp tiếp xúc mắt, rửa ngay với nhiều nước và gọi trợ giúp từ y tế.

###### HMIS (U.S.A.)

Độc hại sức khỏe: 2

Nguy hiểm cháy: 0

Độ hoạt hóa: 1

Bảo vệ cá nhân: E

National Fire Protection Association (U.S.A.)

Sức khô: 2

Khả năng cháy: 0

Độ hoạt hóa: 1

Độc hại đặc biệt:

## **XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 10-09-2016

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 09-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc